TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1063/2026/QĐST - HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 900/2026/TLHNGĐ – ST ngày 05/5/2026 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của những người tham gia tố tụng, yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

- Ông Nguyễn Anh L, sinh ngày 08/01/1996
Địa chỉ: phường A, quận G, TPHCM
(Nay là phường H, thành phố Hồ Chí Minh)

- Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 07/01/1997
Địa chỉ: phường A, quận G, TPHCM
(Nay là phường H, thành phố Hồ Chí Minh)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Anh L và bà Nguyễn Thị Kim N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Chứng nhận kết hôn số 04/2023, đăng ký ngày 09/01/2023, do Ủy ban nhân dân phường A, quận G (nay là phường H), thành phố Hồ Chí Minh cấp.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 21/4/2026 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/5/2026, ông Nguyễn Anh L và bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Cả hai chung sống có một con chung thỏa thuận do bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tài sản chung tự thỏa thuận; Nợ chung không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Nguyễn Anh L và bà Nguyễn Thị Kim N thật sự tự nguyện ly hôn, các đương sự thống nhất cách giải quyết toàn bộ nội dung như nêu trên.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Anh L và bà Nguyễn Thị Kim N thuận tình ly hôn. Chứng nhận kết hôn số 04/2023, đăng ký ngày 09/01/2023, do Ủy ban nhân dân phường 03, quận G (nay là phường H), thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn hiệu lực.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N là người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung tên Nguyễn Lộc Ngân P, sinh ngày 28/12/2022 cho đến khi trưởng thành.

Ông Nguyễn Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Nguyễn Anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng một tháng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thực hiện vào ngày 15 tây hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2026.

Trường hợp ông Nguyễn Anh L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì bà Nguyễn Thị Kim N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thực hiện.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản cung: Các đương sự xác định không có tài sản chung; Không có nợ chung.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Anh L và bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp theo biên lai thu số 0027786 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

2. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- VKSND KV7;
- Nơi cấp GCNKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tứ Nhị